

VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC _____

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Nắm được những kiến thức cơ bản về thân thế, sự nghiệp và giá trị nội dung, nghệ thuật của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu.

– Cảm nhận được vẻ đẹp bi tráng của bức tượng đài có một không hai trong lịch sử văn học Việt Nam thời trung đại về người nông dân – nghĩa sĩ.

– Cảm nhận được tiếng khóc bi tráng của Nguyễn Đình Chiểu : khóc thương những nghĩa sĩ hi sinh khi sự nghiệp còn dang dở, khóc thương cho một thời kì lịch sử khổ đau nhưng vĩ đại của dân tộc.

– Nhận thức được những thành tựu xuất sắc về mặt ngôn ngữ, nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật, sự kết hợp nhuần nhuyễn tính hiện thực và giọng điệu trữ tình bi tráng, tạo nên giá trị sử thi của bài văn này.

– Bước đầu hiểu những nét cơ bản về thể văn tế.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

Bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* ra đời ở một thời điểm lịch sử khá đặc biệt của dân tộc, được xem như một kiệt tác không chỉ của riêng Nguyễn Đình Chiểu, mà còn của văn học Việt Nam nói chung. GV có thể tham khảo những gợi ý sau đây để hiểu thêm về bối cảnh lịch sử và giá trị bài văn.

a) Vài nét về thời đại

Bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* ra đời vào khoảng cuối năm 1861, đầu năm 1862, trước khi triều đình kí hoà ước nhượng ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ cho Pháp. Vào thời điểm này, thành Gia Định đã thất thủ (ngày 17 – 2 – 1859), Nguyễn Đình Chiểu lánh về Cần Giuộc. Rồi Cần Giuộc cũng mất. Thực dân Pháp đánh lấn dần sang ba tỉnh miền Đông. Trước thế giặc mạnh và những thất bại ban đầu của quân ta, hàng ngũ quan lại triều đình đã bắt đầu phân hoá, phe chủ hoà đang dần mạnh thế. Nhưng nói chung, triều đình vẫn còn đang đánh Pháp, nhiều tướng lĩnh được cử vào Nam để tăng cường binh lực, một số quan lại các nơi cũng tình nguyện tòng quân vào Nam chiến đấu như Nguyễn Thông, Nguyễn Thành Ý,... Phong trào kháng

chiến chống Pháp của nhân dân Nam Kỳ đang thời kì sôi nổi. Nghĩa quân của Trần Thiện Chánh, Lê Huy chặn đánh giặc ở Gia Định, Trương Định nổi dậy ở Gò Công, Đỗ Trình Thoại ở Tân Hoà, Phan Văn Đạt, Nguyễn Trung Trực ở Tân An,... Tinh thần xả thân vì nghĩa lớn, ý chí thà chết không đầu hàng giặc đang được phát huy cao độ. Cả nước hướng về cuộc kháng chiến ở Nam Kỳ, ca ngợi và cảm phục những tấm gương hi sinh cao cả vì nền độc lập của Tổ quốc. Ngay vua Tự Đức, mặc dù còn do dự giữa chủ trương hoà và chiến, vẫn ra lệnh cho Hoàng giáp Lê Khắc Cẩn và Bảng nhãn Phạm Thanh viết hai bài văn tế các tướng sĩ bỏ mình sau mấy trận đánh nhau với Pháp⁽¹⁾, vẫn còn phong thần cho Trương Định khi ông hi sinh. Bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu ra đời lúc này đã khích lệ cao độ tinh thần yêu nước, lòng căm thù giặc và ý chí chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, đã đáp ứng một cách xuất sắc yêu cầu của lịch sử và lòng mong mỏi của nhân dân.

b) Giá trị của bức tượng đài người nông dân – nghĩa sĩ trong lịch sử văn học Việt Nam

Trong lịch sử chống giặc ngoại xâm lâu đời của nhân dân ta, nông dân bao giờ cũng là lực lượng chủ yếu làm nên những chiến công hiển hách, bởi họ chiếm tuyệt đại bộ phận dân số. Nhưng cả nghìn năm văn học thời phong kiến, đã có tác phẩm nào biểu dương xứng đáng công lao đó chưa? *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn và những vần thơ cảm khái của các tướng lĩnh đời Trần chưa có dòng nào khắc hoạ hình ảnh những người nông dân – nghĩa sĩ đã tự nguyện khắc vào cánh tay hai chữ "Sát Thát", không đuoái được giặc thề không trở về. Nguyễn Trãi, một nhà tư tưởng lớn, đã từng nhắc nhở các quan lại ghi nhớ công lao những người làm ra hạt lúa, củ khoai trong câu thơ nổi tiếng "Ăn lộc đền ơn kẻ cấy cày", đã từng biểu dương sức mạnh to lớn của bốn phương dân chúng: "Gươm mài đá, đá núi cũng mòn; – Voi uống nước, nước sông phải cạn (*Đại cáo bình Ngô*). Nhưng hình ảnh người nghĩa quân Lam Sơn từng kẻ vai sát cánh, đồng cam cộng khổ với Nguyễn Trãi suốt cả chục năm trời vẫn chưa rõ nét trong thơ ông. Cùng thời với Nguyễn Đình Chiểu, hai bài văn của Lê Khắc Cẩn và Phạm Thanh thay mặt vua tế các tướng sĩ hi sinh sau mấy trận đánh nhau với Pháp cũng chưa nhằm vào đối tượng những người nông dân "mến nghĩa làm quân chiêu mộ" này. Chỉ đến Nguyễn Đình Chiểu, lần đầu tiên trong văn học Việt Nam, người nông dân chống ngoại xâm mới có thể chiếm lĩnh trọn vẹn một tác phẩm văn chương đẹp đến nhường ấy, với vóc dáng đích thực của mình và được ngợi ca như những người anh hùng của thời đại. Trước Nguyễn Đình Chiểu, chưa ai làm được điều đó, và sau Nguyễn Đình Chiểu một thời gian dài, cũng chưa ai vượt qua được ông. Bởi thế, bài văn tế được xem như một bước phát triển đột xuất trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu nói riêng và trong văn học Việt Nam nói chung.

(1) Hai bài văn tế này đều bằng chữ Hán. Có thể tham khảo trong *Thơ văn yêu nước Nam Bộ* của Bảo Định Giang – Ca Văn Thỉnh, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1962.

2. Trọng tâm bài học

– Giới thiệu những kiến thức cơ bản về cuộc đời, sự nghiệp và văn chương của tác giả.

– Giới thiệu những nét cơ bản về thể văn tế.

– Phân tích hình tượng người nghĩa sĩ Cần Giuộc từ người nông dân hiền lành, vụt vươn mình trở thành dũng sĩ, từ đó giúp HS cảm nhận vẻ đẹp bi tráng của bức tượng đài có một không hai trong lịch sử văn học Việt Nam thời trung đại và những thành tựu nghệ thuật xuất sắc, độc đáo của ngòi bút Nguyễn Đình Chiểu.

– Ý nghĩa cao cả, thiêng liêng trong tiếng khóc thương người nghĩa sĩ của Nguyễn Đình Chiểu.

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

– Bài giảng có hai phần : Giới thiệu tác giả và tìm hiểu bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*. GV nên lưu ý kết hợp những kiến thức trong phần *Tác giả* để giúp HS hiểu sâu hơn *văn bản* và ngược lại dùng *văn bản* tác phẩm để minh họa cụ thể những kiến thức đã được cô đúc ở phần trên.

– Trong chương trình văn học ở trường phổ thông, đây là lần đầu tiên HS tiếp xúc với thể loại văn tế. GV nên hướng dẫn kĩ cho HS từ cách đọc diễn cảm đến những kiến thức cơ bản về thể loại, gợi hứng thú cho HS tiếp cận bài văn ngay từ khâu đọc văn bản.

– Bài văn tế có nhiều từ ngữ và cách diễn đạt theo lối cổ. GV nên cho HS đọc trước các chú thích, đến lớp có thể kiểm tra bằng cách yêu cầu các em diễn nôm theo cách hiểu hiện nay một số câu khó (ví dụ : câu 2, 8, 20, 30), tập cho HS thói quen tìm hiểu nghĩa của câu trước khi phân tích hình tượng nghệ thuật ở một bài văn cổ.

– Bài văn rất hay nhưng dài, GV không nên dàn đều mà có thể chọn một hoặc hai đoạn hay, hướng dẫn thật kĩ để HS thực sự đọc – hiểu, thưởng thức một cách thích thú văn bản, gây ấn tượng mạnh, rồi từ đó gợi mở để các em tự mình tìm hiểu các đoạn khác.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

PHẦN MỘT : TÁC GIẢ

GV nên dành một trong ba tiết, yêu cầu HS đọc, dựa theo những gợi ý trong phần *Hướng dẫn học bài* để nắm được kiến thức cơ bản. GV có thể kết hợp bổ sung thêm một số chi tiết minh họa hoặc dẫn giải thêm thơ văn để mở rộng, nâng cao và tạo hứng thú cho HS.

a) Về cuộc đời tác giả

Yêu cầu HS : Ghi nhớ những nét chính về thân thế, sự nghiệp Nguyễn Đình Chiểu và phát biểu những điều cảm nhận riêng của mình về nhân cách nhà thơ, tập trung vào ba bài học lớn : ý chí và nghị lực sống, lòng yêu nước thương dân, tinh thần bất khuất trước kẻ thù. Có thể dẫn thêm ý của Giáo sư Trần Văn Giàu : "Dĩ nhiên, phong trào kháng Pháp của toàn dân Lục tỉnh là ngọn sóng thần đưa văn chương yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu lên cao theo bề cao của sóng ; tuy vậy, không thể không thấy con người Nguyễn Đình Chiểu phải được cấu thành bởi những chất đạo đức nào, phải được tôi luyện bằng công phu nào thì mới vươn lên nổi trên đầu ngọn sóng chứ không bị trôi dạt một bên hay chìm sâu dưới đáy vực"⁽¹⁾. Về lòng yêu nước thương dân, nên nhắc câu thơ của Tùng Thiện Vương : "Thư sinh giết giặc bằng ngòi bút" và nói thêm về sức mạnh chiến đấu của ngòi bút Nguyễn Đình Chiểu. Về tinh thần bất khuất trước kẻ thù, có thể kể việc Chủ tỉnh Bến Tre là Mi-sen Pông-sông đã ba lần đến tận nhà thăm hỏi mà ông không chịu ra tiếp. Ông còn từ chối tất cả mọi ân huệ về tiền tài, đất đai, danh vọng mà thực dân Pháp hứa hẹn bằng những lời khảng khái : "Đất chung đã mất thì đất riêng của tôi có sá gì".

b) Về giá trị thơ văn

– Lí tưởng đạo đức, nhân nghĩa : Nguyễn Đình Chiểu là một nhà nho, cho nên lí tưởng đạo đức, nhân nghĩa của ông không thể không mang tinh thần Nho giáo. Nhưng ông cũng là một trí thức nhân dân, suốt đời sống ở nơi thôn xóm, giữa những người "dân ấp dân lân" tâm hồn thuần hậu, chất phác. Họ cũng có cách hiểu dân dã của mình về nhân nghĩa : *nhân* là tình thương yêu con người, sẵn sàng cứu mang con người trong cơn hoạn nạn ; *nghĩa* là những quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người trong xã hội, tình cha con, nghĩa vợ chồng, tình bạn bè, xóm giềng, tinh thần hiệp nghĩa sẵn sàng cứu khốn phò nguy... Nguyễn Đình Chiểu thấm nhuần sâu sắc điều đó. Những nhân vật lí tưởng trong *Truyện Lục Vân Tiên* hầu hết là những người sinh trưởng nơi thôn ấp nghèo khó (những chàng nho sinh hàn vi như Vân Tiên, Tử Trục, Hớn Minh, những ông Ngư, ông Tiểu, ông Quán, chú Tiểu đồng, lão bà dệt vải,...), tâm hồn ngay thẳng, không màng lợi danh, không tham phú quý ("Xin tròn nhân nghĩa còn hơn bạc vàng"), sẵn sàng ra tay cứu giúp người hoạn nạn. Trước Nguyễn Đình Chiểu, nhân nghĩa vẫn được xem là một phạm trù đạo đức lí tưởng, chỉ có ở các bậc thánh nhân, những người quân tử thuộc tầng lớp trên (Khổng Tử nói : "Ta từng thấy người quân tử bất nhân, nhưng chưa từng thấy kẻ tiểu nhân có nhân bao giờ"). Ở Nguyễn Trãi, nhân nghĩa đã hướng tới người dân. Ông kêu gọi nhà cầm quyền nhân nghĩa với dân, thời chiến thì lấy nhân nghĩa

(1) *Vì sao tôi thích đọc Nguyễn Đình Chiểu ?*, trong *Nguyễn Đình Chiểu, tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật*, Sđd.

để thắng quân giặc bạo ngược, thời bình thì đưa nhân nghĩa vào chính sự, xây dựng nền chính trị nhân chính, khoan sức cho dân. Đến Nguyễn Đình Chiểu, ông đặc biệt đề cao chữ *nghĩa*, biểu dương những truyền thống đạo đức tốt đẹp giữa con người với con người, quan tâm sâu sắc đến quyền lợi và nguyện vọng của nhân dân. Điều đó giải thích tại sao nhân dân ta, đặc biệt là cư dân vùng đất mới Nam Kỳ, vốn rất xem trọng mối liên hệ gắn kết giữa con người với con người trên cơ sở chữ *nghĩa* truyền thống, lại tiếp nhận tác phẩm của Đồ Chiểu nồng nhiệt đến thế.

– Lòng yêu nước thương dân : Nguyễn Đình Chiểu sáng tác thơ văn yêu nước ở thời kì đầu chống thực dân Pháp của nhân dân ta. Đây là thời kì lịch sử mà cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã gọi là "khổ nhục nhưng vĩ đại" của dân tộc ta. Đất nước mất dần vào tay giặc, các phong trào chống Pháp lần lượt thất bại, người yêu nước thế hệ này nối tiếp thế hệ khác đã ngã xuống nơi chiến trường. Nhưng "súng giặc đất rền ; lòng dân trời tỏ" : Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu làm sáng rõ chân lí đó. Ông khóc than cho Tổ quốc gặp buổi thương đau : "Khóc là khóc nước nhà con bán loạn, hôm mai vắng chúa, thua buồn nhiều nỗi khúc nhiêi ; than là than bờ cõi lúc qua phân, ngày tháng trông vua, ngơ ngẩn một phường trẻ dại" (*Văn tế Trương Định*). Ông căm uất chửi thẳng vào mặt kẻ thù : "Tắc đất ngọn rau ơn chúa, tài bồi cho nước nhà ta ; bát cơm manh áo ở đời, mấc mớ chi ông cha nó" (*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*). Ông hết lòng ngợi ca những sĩ phu như Trương Định, Phan Tòng đã một lòng vì nước vì dân : "Viên đạn nghịch thần treo trước mặt – Lưỡi gươm địch khái nắm trong tay" (*Thơ điếu Phan Tòng*). Ông dựng bức tượng đài bất tử về những người *dân ấp dân lân* : "Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ binh" (*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*). Ngay cả lúc *bờ cõi* đã *chia đất khác*, Nguyễn Đình Chiểu vẫn nuôi giữ niềm tin vào ngày mai : "Một trận mưa nhuần rửa núi sông" (*Xúc cảnh*), vẫn kiên trì một thái độ bất khuất trước kẻ thù : "Sự đời thà khuất đôi trông thịt – Lòng đạo xin tròn một tấm gương" (*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*). Với nội dung đó, có thể nói thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu đã đáp ứng xuất sắc những yêu cầu của cuộc sống và chiến đấu đương thời, có tác dụng động viên, khích lệ không nhỏ tinh thần và ý chí cứu nước của nhân dân.

– Về nghệ thuật : Chú ý sắc thái Nam Bộ độc đáo trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu. Có thể khai thác từ những đoạn trích HS đã học ở lớp 9 về nhân vật Lục Vân Tiên và ông Ngư hay nhân vật Hồn Minh để thấy họ mộc mạc, chất phác nhưng nặng nghĩa, nặng tình. Họ sống vô tư, phóng khoáng, ít bị ràng buộc bởi những phép tắc, lễ nghi và sẵn sàng xả thân vì nghĩa. Họ nóng nảy, bộc trực nhưng lại rất đằm thắm, ân tình. Đó là những nét rất riêng trong vẻ đẹp chung của con người Việt Nam. *Truyện Lục Vân Tiên* rất gần với những sáng tác dân gian, mang nhiều tính chất chuyện kể ; lời lẽ thường mộc mạc, giản dị ; cốt truyện được xem là quan trọng ; diễn biến hành động của nhân vật được chú ý hơn là diễn biến nội tâm ; tính cách nhân vật được thể hiện chủ yếu qua ngôn ngữ, cử chỉ, hành động.

PHẦN HAI : TÁC PHẨM

a) Phần *Tiểu dẫn*

– Hoàn cảnh ra đời của bài văn tế :

Cho HS đọc, GV kết hợp diễn giải thêm nhằm gợi không khí lịch sử thời đại, khơi gợi những cảm xúc thích hợp để tiếp nhận áng văn chương cổ.

GV có thể lựa chọn hình thức phù hợp với đối tượng HS của mình (xem tranh ảnh, đọc thơ văn,...).

– Tìm hiểu những nét cơ bản về thể văn tế :

Cho HS đọc ý 2 của phần *Tiểu dẫn*, gợi ý các câu hỏi để HS trả lời :

+ Văn tế được sử dụng trong hoàn cảnh nào ? Có ngoại lệ không ?

+ Nội dung cơ bản của bài văn tế ?

+ Bố cục thường thấy ?

+ Giọng điệu chung của bài văn tế ?

b) Đọc văn bản

Nên xem đọc diễn cảm là một khâu khá quan trọng trong việc giảng văn tế, giúp HS cảm nhận bài văn ngay từ âm hưởng, giọng điệu của nó. GV có thể hướng dẫn HS, căn cứ vào kết cấu của bài văn tế, tự tìm ra cách đọc thích hợp với từng đoạn, làm sao để có thể diễn tả được cảm xúc phong phú, đa dạng của bài văn.

– Đoạn 1 : trang trọng.

– Đoạn 2 : từ trầm lắng khi hồi tưởng, chuyển sang hào hứng, sảng khoái khi kể lại chiến công.

– Đoạn 3 : trầm buồn, sâu lắng, có những câu phải thể hiện được sự xót xa, đau đớn.

– Đoạn 4 : thành kính, trang nghiêm.

c) Hướng dẫn học bài

Câu 1

– Vận dụng những hiểu biết về thể văn tế đã nói ở trên để tìm bố cục của bài này và ý nghĩa từng đoạn.

Đoạn 1 – *Lung khởi* (câu 1, 2) : khái quát bối cảnh bão táp của thời đại và khẳng định ý nghĩa cái chết bất tử của người nông dân – nghĩa sĩ.

Đoạn 2 – *Thích thực* (từ câu 3 đến câu 15) : tái hiện chân thực hình ảnh người nông dân – nghĩa sĩ, từ cuộc đời lao động vất vả, tủi cực đến giây phút vươn mình trở thành dũng sĩ, đánh giặc và lập chiến công.

Đoạn 3 – *Ai vãn* (từ câu 16 đến câu 28) : bày tỏ lòng tiếc thương, sự cảm phục của tác giả và của nhân dân đối với người nghĩa sĩ.

Đoạn 4 – *Kết* (hai câu cuối) : ca ngợi linh hồn bất tử của các nghĩa sĩ.

– GV có thể cho HS nhận xét tính chặt chẽ và hợp lí của kết cấu bài văn tế, phản ánh quá trình diễn biến cảm xúc của con người trong hoàn cảnh đau thương. (*Lưu ý* : Các bài điệu văn hiện đại, tuy không bị ràng buộc bởi tính ước lệ, khuôn sáo, vẫn thường tuân thủ kết cấu này.)

Câu 2

– Cho HS đọc đoạn 1, tìm hiểu nghĩa câu và tác dụng nghệ thuật của nó đối với bức tượng đài anh hùng ở đoạn sau. Có hai ý lớn : khung cảnh bão táp của thời đại, phản ánh biến cố chính trị lớn lao chi phối toàn bộ thời cuộc là sự đụng độ giữa thế lực xâm lăng tàn bạo của thực dân Pháp và ý chí kiên cường bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta (chú ý những từ chỉ các yếu tố không gian to lớn như *đất, trời* và những động từ gọi sự khuếch tán âm thanh và ánh sáng như *rền, tỏ*) ; ý nghĩa bất tử của cái chết vì nghĩa lớn. Tất cả hợp thành một bộ đồ hoành tráng cho bức tượng đài sẽ được dựng ở đoạn sau thành một chỉnh thể có tầm vóc to lớn, bài văn tế trở nên đậm chất sử thi.

– Đoạn 2 khá dài, GV có thể cắt ngang từng đoạn nhỏ, phân tích theo những gợi ý ở câu 2, rồi cuối cùng cho HS nhận xét khái quát và nâng cao.

+ Tái hiện hình ảnh người nông dân trước "trận nghĩa đánh Tây" : Cho HS tìm hiểu và phân tích các chi tiết diễn tả cái nhìn chân thực và chan chứa niềm cảm thông đối với cuộc đời lam lũ, tủi cực của người nông dân (câu 3, chú ý từ ngữ gọi cảm *cui cút*) và dụng ý nghệ thuật của tác giả khi nhấn mạnh vào đặc điểm họ hoàn toàn xa lạ với công việc binh đao (câu 4, 5), nhằm tạo sự đối lập để tôn cao tầm vóc người anh hùng ở đoạn sau.

+ Bước chuyển biến khi quân giặc xâm phạm đất đai, bờ cõi của cha ông : Cho HS đọc từ câu 6 đến câu 9, tìm những chi tiết miêu tả lần lượt những bước chuyển biến về tình cảm – lòng căm thù giặc (câu 6, 7), về nhận thức – ý thức trách nhiệm đối với sự nghiệp cứu nước (câu 8, chú ý giải thích nghĩa câu), cuối cùng là hành động tự nguyện "mến nghĩa làm quân chiêu mộ" và ý chí quyết tâm tiêu diệt giặc của người nông dân – nghĩa sĩ (câu 9, lưu ý HS những cụm từ có sắc thái biểu cảm mạnh : *nào đợi, chẳng thêm, ra sức đoạn kinh, ra tay bộ hổ*). Những bước chuyển biến được miêu tả chân thực, sinh động, hợp lí, gắn gũi với cách suy nghĩ và lời ăn tiếng nói của người nông dân. (Ví dụ : "Trông tin quan như trời hạn trông mưa ;... ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ".)

+ Vẻ đẹp hào hùng của đội quân áo vải trong "trận nghĩa đánh Tây" (từ câu 10 đến câu 15). Có hai ý cần hướng cho HS khai thác :

* Hình ảnh của đội quân áo vải được khắc hoạ hoàn toàn bằng bút pháp hiện thực, không theo tính ước lệ của văn thơ trung đại, không bị chi phối bởi kiểu sáng tác lí tưởng hoá (cho HS tìm dẫn chứng từ các câu 10, 11, 12). Đáng chú ý là những chi tiết chân thực đều được chọn lọc tinh tế, nên đậm đặc chất sống, mang tính khái quát, đặc trưng cao (ví dụ : *manh áo vải, ngọn tầm vông, rom con cúi, lưỡi dao phay* gắn bó đến không thể tách rời trong cuộc sống những người nông dân thuở ấy). Do thế, bức tượng đài ánh lên một vẻ đẹp mộc mạc, giản dị mà không kém "chất" anh hùng bởi tấm lòng mến nghĩa, bởi tư thế hiên ngang, coi thường mọi khó khăn, thiếu thốn : *nào đợi tập rèn, không chờ bày bố, nào đợi mang..., chi nài sắm...* (Có thể so sánh với vẻ phi thường của người anh hùng Từ Hải trong *Truyện Kiều* : "Râu hùm, hàm én, mày ngài – Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao" và hình ảnh rạng ngời oai phong của Lục Vân Tiên khi cầm quân đánh giặc ngoại xâm : "Vân Tiên đầu đội kim khôi – Tay cầm siêu bạc, mình ngồi ngựa ô").

* Hình tượng những người anh hùng được khắc nổi trên nền một trận công đồn đầy khí thế tiến công. Cho HS đọc lại những câu 13, 14, 15, tìm những chi tiết miêu tả trận đánh, nhận xét về những biện pháp nghệ thuật : Hệ thống từ ngữ : dùng rất nhiều từ chỉ hành động mạnh (*đánh, đốt, chém, đập, xô, hè, ó,...*), dứt khoát (*đốt xong, chém đặng, trối kệ*), nhiều khẩu ngữ nông thôn và từ ngữ mang tính địa phương Nam Bộ (*nhà dạy đạo, như chẳng có, thằng Tây, hè, ó, trối kệ,...*). Phép đối : đối từ ngữ (*trống kìa/ trống giục ; lướt tới/ xông vào ; đạn nhỏ/ đạn to ; đâm ngang/ chém ngược ; hè trước/ ó sau,...*) ; đối ý (ta : *manh áo vải, ngọn tầm vông* / địch : *đạn nhỏ, đạn to, tàu sắt, tàu đồng* ; vũ khí thô sơ : *rom con cúi, lưỡi dao phay* / chiến thắng lớn : *đốt xong nhà dạy đạo, chém rớt đầu quan hai*) ; đối thanh bằng – trắc (*kia/ nọ, kìa/ giục, tới/ vào, nhỏ/ to, ngang/ ngược, trước/ sau,...*).

Hiệu quả nghệ thuật : tạo nhịp điệu đoạn văn nhanh, mạnh, dứt khoát, sôi nổi góp phần tái hiện một trận công đồn của nghĩa quân Cần Giuộc rất khẩn trương, quyết liệt, sôi động và đầy hào hứng.

Trên cái nền trận đánh đó là hình ảnh những người nông dân nghĩa sĩ *coi giặc cũng như không, liễu mình như chẳng có, trối kệ tàu sắt tàu đồng súng nổ, nào sợ... đạn nhỏ đạn to...* Khí thế của họ là khí thế đập lên đầu thù xóc tới, không quản ngại bất kì sự gian khổ, hi sinh nào, rất tự tin và đầy ý chí quyết thắng. Hình ảnh đó oai phong,凛冽 như hình tượng các dũng sĩ trong những thiên anh hùng ca thuở xưa, nhưng lại gần gũi, sống động, tưởng như họ vừa "Rũ bùn đứng dậy sáng loà" (Nguyễn Đình Thi).

GV có thể mở rộng để hướng HS tìm ra những phát hiện mới mẻ của Nguyễn Đình Chiểu ở đoạn văn này. Có thể liên hệ bài ca dao *Lính thú đời xưa* :

*Ngang lưng thì thắt bao vàng,
Đầu đội nón dẫu, vai mang súng dài.*

*Một tay thì cấp hoả mai,
Một tay cấp giáo, quan sai xuống thuyền.
Thùng thùng trống đánh ngũ liên,
Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa.*

Đây cũng là những người nông dân đang lính, nhưng để phục vụ cho quyền lợi của ai? Và thái độ của họ như thế nào? Vì sao những người nông dân trong bài văn tế này lại có sự thay đổi về ý thức và hành động? Từ đó đánh giá tầm cao tư tưởng, tình cảm của Nguyễn Đình Chiểu: Ông đã phát hiện và ngợi ca phẩm chất cao quý vẫn tiềm ẩn đằng sau manh áo vải, sau cuộc đời lam lũ vất vả của người nông dân là lòng yêu nước và ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ quốc. Văn chương thời trung đại từ xưa cho tới bây giờ chưa có tác phẩm nào chú ý khai thác vẻ đẹp tâm hồn cao quý đó của người nông dân.

Về nghệ thuật miêu tả: Hiếm có đoạn văn nào trong văn học trung đại được xây dựng hầu như toàn bằng những chi tiết chân thực, được cô đúc từ thực tế đời sống nên có tầm khái quát cao, không sa vào vụn vặt, tản mạn như bài văn tế này. Hình ảnh người anh hùng áo vải dường như đã có thể xem như một biểu tượng nghệ thuật lồng trong hình *Đất nước* mà nhà thơ Nguyễn Đình Thi sau này đã rất đổi tự hào: "Ôm đất nước những người áo vải – Đã đứng lên thành những anh hùng". Cây *gậy tầm vông* lần đầu tiên xuất hiện ở bài văn tế này, gần một trăm năm sau, đã trở lại trong thơ Tố Hữu với nguyên vẹn ý nghĩa: "Chín năm kháng chiến thánh thần – Gậy tầm vông đánh tan quân bạo tàn" (*Ba mươi năm đời ta có Đảng*). Hình tượng nhân vật được đặt trong một kết cấu chặt chẽ, hợp lí. Ngôi bút hiện thực ấy lại kết hợp thật nhuần nhuyễn chất trữ tình sâu lắng, ẩn chứa trong từng câu chữ, từng hình ảnh là nỗi cảm thông, niềm kính phục và tự hào của tác giả. Từ ngữ bình dị mà rất tinh tế, chính xác, có sức gợi cảm. Nhiều biện pháp tu từ được sử dụng thành công, tạo được hiệu quả nghệ thuật cao.

Cuối cùng, GV nên chốt lại một vài ý lớn đánh giá giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn văn mà HS cần ghi nhớ.

Câu 3

Cho HS đọc đoạn *Ai vãn* của bài văn tế. Ở đoạn này, các tình cảm đan cài vào nhau, nên chọn phương pháp khai thác theo hình tượng. Đây là đoạn văn bộc lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc của tác giả và của nhân dân đương thời đối với người nghĩa sĩ, cho nên tính trữ tình bao trùm, nhưng xen kẽ vào đó vẫn có những yếu tố hiện thực, có giá trị làm tăng độ sâu nặng của cảm xúc. GV cần làm nổi điều này.

Trước hết, GV cho HS đọc và tìm hiểu những nguồn cảm xúc cộng hưởng trong tiếng khóc thương của tác giả, nhất thiết yêu cầu các em tìm và phân tích qua những chi tiết nghệ thuật của đoạn văn:

– Nỗi xót thương đối với người nghĩa sĩ : Ở đây có nỗi tiếc hận của người phải hi sinh khi sự nghiệp còn dang dở, chí nguyện chưa thành (câu 16, 24), nỗi xót xa của những gia đình mất người thân, tổn thất không thể bù đắp đối với những người *mẹ già, vợ trẻ* (câu 25), nỗi căm hờn những kẻ đã gây nên nghịch cảnh éo le (câu 21) hoà chung với tiếng khóc uất ức, nghẹn ngào trước tình cảnh đau thương của đất nước, của dân tộc (câu 27). Nhiều niềm cảm thương cộng lại thành nỗi đau sâu nặng ("Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo"), không chỉ ở trong lòng người mà dường như còn bao trùm khắp cỏ cây, sông núi, *sông Cần Giuộc, chợ Trường Bình, chùa Tông Thạnh, Bến Nghé, Đồng Nai*, tất cả đều nhuộm màu tang tóc, bi thương.

– Niềm cảm phục và tự hào đối với những người dân thường đã dám đứng lên bảo vệ từng "tấc đất ngọn rau", "bát cơm manh áo" của mình chống lại kẻ thù hung hãn (câu 19, 20), đã lấy cái chết để làm rạng ngời một chân lí cao đẹp của thời đại : *thà chết vinh còn hơn sống nhục* (câu 22, 23).

– Biểu dương công trạng của người nông dân – nghĩa sĩ, đời đời được nhân dân ngưỡng mộ, Tổ quốc ghi công (câu 26, 28).

Sau khi đã phân tích qua cả đoạn văn, GV khái quát lại bằng cách cho HS giải đáp ý 2 của câu hỏi. Hướng kết luận : Tiếng khóc không chỉ thể hiện tình cảm riêng tư mà tác giả đã thay mặt nhân dân cả nước khóc thương và biểu dương công trạng người nghĩa sĩ. Tiếng khóc không chỉ hướng về cái chết mà còn hướng về cuộc sống đau thương, khổ nhục của cả dân tộc trước làn sóng xâm lăng của thực dân. Nó không chỉ gọi nỗi đau thương mà cao hơn nữa, còn khích lệ lòng căm thù giặc và ý chí tiếp nối sự nghiệp dang dở của những người nghĩa sĩ. GV có thể liên hệ với đoạn *Ai vãn* trong *Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh* (của Nguyễn Đình Chiểu, ra đời khi cả Nam Kỳ đã mất vào tay giặc) để thấy tiếng khóc trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* tuy rất bi thiết, nhưng không đượm màu tang tóc, thê lương kéo dài như bài kia chính là nhờ nó còn bao hàm nhiều nguồn cảm xúc khác (đặc biệt là niềm cảm phục tự hào) và sự khẳng định của tác giả về ý nghĩa bất tử của cái chết vì nước, vì dân mà muôn đời con cháu tôn thờ (câu 26, 28, 30). Cũng cần nói thêm là khi viết *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, ngòi bút Nguyễn Đình Chiểu còn đang được tiếp sức bởi khí thế ngút trời của phong trào chống xâm lược những ngày đầu, khi nhân dân đang nhất tề nổi dậy khắp nơi.

Câu 4

Câu hỏi có tính chất tổng kết về mặt nghệ thuật : GV nên để HS tự phát biểu những điều cảm nhận của mình, rồi cuối cùng tổng kết lại :

– Những yếu tố làm nên sức gọi cảm mạnh mẽ của bài văn tế : cảm xúc chân thành, sâu nặng, mãnh liệt (câu 3, 25) ; giọng văn bi tráng, thống thiết (câu 22, 23, 24) ; hình ảnh sống động (câu 13, 14, 15).

– Nghệ thuật ngôn ngữ : giản dị, dân dã nhưng được chọn lọc tinh tế, có sức biểu cảm lớn và giá trị thẩm mỹ cao (*cui cút ; tác đất ngọn rau ; bát cơm manh áo ; chia rượu lạt, gặm bánh mì ; mẹ già ngồi khóc trẻ ; vợ yếu chạy tìm chồng...*), nhiều biện pháp tu từ được sử dụng thành công (câu 14, 15).

– Giọng điệu thay đổi theo dòng cảm xúc : đoạn 2 sôi nổi, hào hứng như reo vui cùng chiến thắng của nghĩa quân ; đoạn 3 chuyển sang trầm lắng, thống thiết, có lúc như nước vỡ, xót xa (câu 24, 25), có lúc như tiếng kêu thương ai oán (câu 27) ; đoạn 4 trang nghiêm như một lời khẩn nguyện thiêng liêng.

d) Tổng kết

– GV có thể nêu câu hỏi cho HS phát biểu, hướng dẫn các em tự tìm ra những điều cần ghi nhớ.

– Có thể dẫn thêm một vài nhận định, đánh giá của những người nghiên cứu về bài văn tế này :

"Bài ca của Nguyễn Đình Chiểu làm chúng ta nhớ bài *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi. Hai bài văn : hai cảnh ngộ, hai thời buổi, nhưng một dân tộc. Bài đại cáo của Nguyễn Trãi là khúc ca khải hoàn, ca ngợi những chiến công oanh liệt chưa từng thấy, biểu dương chiến thắng làm rạng rỡ nước nhà. Bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* là khúc ca những người anh hùng thất thế nhưng vẫn hiên ngang : *Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc,... muôn kiếp nguyện được trả thù kia...*"⁽¹⁾.

"... Một họa sĩ ngày nay đọc Nguyễn Đình Chiểu, vừa có đủ sự kích thích về tinh thần, vừa có đủ chi tiết tiêu biểu để vẽ thành một bức tranh công đồn rất hiện thực của nghĩa binh Cần Giuộc"⁽²⁾.

III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Kiểm tra, đánh giá

GV căn cứ vào phần trọng tâm bài học, đặt những câu hỏi kiểm tra theo các vấn đề sau :

- Phân tích hình tượng người nông dân – nghĩa sĩ Cần Giuộc trong bài văn tế.
- Tiếng khóc bi tráng của Nguyễn Đình Chiểu.
- Đánh giá những thành công về nghệ thuật của bài văn.

(1) Phạm Văn Đồng, *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc* (Bài viết nhân kỉ niệm lần thứ 75 ngày mất của Nguyễn Đình Chiểu, tháng 7 – 1963), trong *Nguyễn Đình Chiểu, tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật*, Sđd.

(2) Trần Văn Giàu, *Vì sao tôi thích đọc Nguyễn Đình Chiểu ?*, Sđd.

2. Gợi ý giải bài tập

Bài tập 2

Yêu cầu của bài tập này là HS hiểu và giải thích được ý kiến của Giáo sư Trần Văn Giàu và biết tự cảm nhận qua bài văn đã học. GV không nên gợi ý gì thêm, căn cứ vào đó có thể đánh giá sự tiếp thu bài giảng và khả năng viết đoạn văn của HS.

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tùng Thiện Vương, *Độc Nguyễn Đình Chiểu điệu nghĩa dân tử trận quốc ngữ văn* (Độc bài văn quốc ngữ ông Nguyễn Đình Chiểu điệu nghĩa dân chết vì nước), trong *Thơ văn yêu nước Nam Bộ*, Sdd.

2. Mai Am, *Độc điệu nghĩa dân tử trận văn* (Độc bài văn điệu nghĩa dân chết trận), trong *Thơ văn yêu nước Nam Bộ*, Sdd.

3. Phạm Văn Đồng, *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc*, trong *Nguyễn Đình Chiểu, tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật*, Sdd.

4. Hoài Thanh, "*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*", một trong những bài văn hay nhất trong văn học Việt Nam, trong *Nguyễn Đình Chiểu – Về tác gia và tác phẩm*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.

5. Đào Nguyên Tụ, *Giảng văn "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc"*, trong *Nguyễn Đình Chiểu – Về tác gia và tác phẩm*, Sdd.